

Số: /QĐ-UBND

Lạng Sơn, ngày tháng 02 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án Khu tái định cư phục vụ dự án đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư (PPP) (giai đoạn 1), địa phận huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1212/QĐ-TTg ngày 10/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư;

Căn cứ Quyết định số 1199/QĐ-UBND ngày 15/9/2023 của UBND tỉnh Cao Bằng phê duyệt dự án đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư (PPP) (giai đoạn 1);

Căn cứ Quyết định số 1098/QĐ-UBND, ngày 21/6/2024 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc phê duyệt Tiểu dự án giải phóng mặt bằng địa phận huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn thuộc dự án đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư PPP (giai đoạn 1);

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 20/TTr-SXD ngày 19/02/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án Khu tái định cư phục vụ dự án đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng

Son) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư (PPP) (giai đoạn 1), địa phận huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn như sau:

1. Tên dự án: Khu tái định cư phục vụ dự án đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư (PPP) (giai đoạn 1), địa phận huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn.

2. Địa điểm xây dựng và diện tích đất sử dụng

a) Địa điểm: xã Bắc Việt, xã Hoàng Việt, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn.

b) Diện tích khu đất xây dựng thực hiện dự án: 4,49 ha, trong đó:

- Vị trí, địa điểm tại xã Hoàng Việt: 1,71 ha.

- Vị trí, địa điểm tại xã Bắc Việt: 2,78 ha.

3. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn.

4. Chủ đầu tư: UBND huyện Văn Lãng; đơn vị được giao nhiệm vụ chủ đầu tư: Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Văn Lãng.

5. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng: Công ty TNHH Tư vấn đầu tư và Phát triển An Phúc Minh.

6. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính của dự án:

a) Loại dự án đầu tư xây dựng có công năng phục vụ hỗn hợp, nhóm B.

b) Loại, cấp công trình chính thuộc dự án: Công trình giao thông, cấp IV; công trình hạ tầng kỹ thuật, cấp III; công trình công nghiệp (đường dây và trạm biến áp), cấp IV.

7. Mục tiêu dự án: đầu tư xây dựng khu tái định cư để bố trí tái định cư, tạo điều kiện về đất ở, ổn định đời sống cho các hộ dân địa phận huyện Văn Lãng bị ảnh hưởng do thu hồi đất để thực hiện dự án tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư (PPP) (giai đoạn 1).

8. Quy mô đầu tư xây dựng

Đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ của khu tái định cư (gồm các công trình giao thông; cấp điện, chiếu sáng; cấp nước, phòng cháy chữa cháy; thoát nước mưa, nước thải) với tổng quy mô diện tích sử dụng đất 4,49ha, quy mô dân số khoảng 528 người tương đương 132 ô tái định cư, trong đó:

a) Vị trí 1: tại thôn Nà Phai, xã Hoàng Việt, huyện Văn Lãng, diện tích sử dụng đất 1,71ha, quy mô dân số khoảng 176 người tương đương 44 ô tái định cư, bao gồm các hạng mục, công trình sau:

- San nền, diện tích 1,71ha.

- Đường giao thông, gồm 03 tuyến, tổng chiều dài 506,61m.

- Cấp nước: tổng chiều dài tuyến ống 1.660m.

- Thoát nước:

- + Thoát nước mưa: tổng chiều dài tuyến thoát nước mưa 566,8m.
 - + Thoát nước thải: tổng chiều dài tuyến cống 338,2m.
 - + 01 Trạm xử lý nước thải công suất 26m³/ngày đêm.
 - Cấp điện: xây dựng đường dây trung thế 35kV, trạm biến áp 160kVA-35/0,4kV và hệ thống đường dây hạ thế 0,4kV để cấp điện sinh hoạt và chiếu sáng cho khu tái định cư.
 - + Đường dây trung thế 35KV: xây dựng mới đường dây trung thế 35kV, dài 70m.
 - + Trạm biến áp: xây mới 01 trạm biến áp, công suất 160kVA-35/0,4kV.
 - + Cấp điện hạ thế 0,4KV: xây dựng tuyến đường dây hạ thế 0,4kV, dài 400m.
 - + Cấp điện chiếu sáng: xây dựng đường điện chiếu sáng dài 420m.
 - + Hệ thống phòng cháy, chữa cháy gồm: nhà trạm bơm cấp 2 kết hợp bể chứa nước sinh hoạt 108m³, đường ống và trụ chữa cháy đặt nổi D110mm.
 - b) Vị trí 2: tại thôn Vạn Xuân, xã Bắc Việt, huyện Văn Lãng, diện tích sử dụng đất 2,78ha, quy mô dân số khoảng 352 người tương đương 88 ô tái định cư, gồm các hạng mục sau:
 - San nền, diện tích 2,78ha.
 - Đường giao thông, gồm 03 tuyến, tổng chiều dài 815,13m.
 - Cấp nước: tổng chiều dài tuyến ống 4.250m.
 - Thoát nước:
 - + Thoát nước mưa: tổng chiều dài tuyến thoát nước mưa 1.032,6m.
 - + Thoát nước thải: tổng chiều dài tuyến cống 793,2m.
 - + 01 Trạm xử lý nước thải công suất 52m³/ngày đêm.
 - Cấp điện: xây dựng đường dây trung thế 35kV, trạm biến áp 320kVA-35/0,4kV và hệ thống đường dây hạ thế 0,4kV để cấp điện sinh hoạt và chiếu sáng cho khu tái định cư.
 - + Đường dây trung thế 35KV: xây dựng mới đường dây trung thế 35kV, dài 184m.
 - + Trạm biến áp: xây mới 01 trạm biến áp, công suất 320kVA-35/0,4kV.
 - + Cấp điện hạ thế 0,4KV: xây dựng tuyến đường dây hạ thế 0,4kV, dài 900m.
 - + Cấp điện chiếu sáng: xây dựng đường điện chiếu sáng dài 700m.
 - + Hệ thống phòng cháy, chữa cháy gồm: nhà trạm bơm cấp 2 kết hợp bể chứa nước sinh hoạt 201m³, đường ống và trụ chữa cháy đặt nổi D110mm.
9. Bản vẽ thiết kế cơ sở được đóng dấu xác nhận kèm theo Quyết định này
10. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn
- a) Số bước thiết kế: 02 bước.

b) Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

- QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng.
 - QCVN 06:2022/BXD Quy chuẩn Quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình.
 - QCVN 07:2023/BXD Quy chuẩn Quốc gia về hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật.
 - QCVN 14:2008/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt.
 - TCXDVN 13592: 2022: Đường đô thị - yêu cầu thiết kế;
 - TCVN 4054:2005 Đường ô tô - Yêu cầu thiết kế.
 - QCVN 41:2024/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ.
 - 22 TCN 223-1995 Áo đường cứng đường ô tô - tiêu chuẩn thiết kế.
 - TCCS 38:2022 /TCĐBVN Áo đường mềm – Các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế.
 - TCVN 13606:2023 Cấp nước – Mạng lưới đường ống và công trình – Yêu cầu thiết kế;
 - TCVN 7957:2023 Thoát nước - Mạng lưới và công trình bên ngoài - Yêu cầu thiết kế.
 - TCVN 9113:2012 Ống bê tông cốt thép thoát nước - tiêu chuẩn thiết kế.
 - TCVN 9116:2012 Cống hộp bê tông cốt thép - tiêu chuẩn thiết kế.
 - TCVN 33:2006 Mạng lưới đường ống và công trình - Tiêu chuẩn thiết kế.
 - TCVN 13608:2023 Chiếu sáng nhân tạo bên ngoài các công trình công cộng và hạ tầng kỹ thuật - Yêu cầu thiết kế.
 - TCVN 5574:2018 Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép – Tiêu chuẩn thiết kế
11. Các giải pháp thiết kế cơ sở

11.1. Các công trình xây dựng tại vị trí 1 thôn Nà Phai, xã Hoàng Việt, huyện Văn Lãng:

a) San nền

- Tổng diện tích san nền 1,71 ha, san nền 09 lô đất, 04 vị trí đất cây xanh kết hợp taluy, 02 vị trí bãi đỗ xe, 06 vị trí đất hạ tầng kỹ thuật và đất giao thông.
- Cao độ san nền điểm cao nhất 194,5m; điểm thấp nhất 193,5m; hướng dốc san nền từ phía Đông Bắc xuống Tây Nam; độ chặt đất đắp san nền $K=0,9$.
- Mái ta luy: độ dốc mái ta luy đào $1/0,5 \div 1/1,5$.
- Kè mái ta luy tại vị trí phía Tây Nam của khu đất. Kè bằng bê tông xi măng, chiều dài 46m.

b) Đường giao thông: gồm 05 tuyến đường với tổng chiều dài 506,61m.

STT	Tên tuyến	Chiều dài (m)	Bề rộng nền đường (m)	Bề rộng lòng đường (m)	Bề rộng vỉa hè (Trái+Phải) (m)
1	Tuyến 01	264,6	12,5	6,5	2x3
2	Tuyến 02a	44,25	12,5	6,5	2x3
3	Tuyến 02b	87,54	10,5	6	1,5+3
4	Tuyến 02c	65,97	11,5	6	2,5+3
5	Tuyến 03	44,25	12,5	6,5	2x3

- Mặt đường thiết kế dốc 2 mái, độ dốc ngang $i=2\%$; hè dốc về mép vỉa hè, độ dốc vỉa hè $i=1,5\%$.

- Vận tốc thiết kế: 20km/h, bán kính đường cong tại các nút giao: $R_{max}=15m$ và $R_{min}=8m$.

- Kết cấu áo đường: mặt đường cấp cao A1, tầng mặt bằng bê tông nhựa asphalt, mô đun đàn hồi yêu cầu $E_{yc} \geq 110 \text{ Mpa}$, với kết cấu từ trên xuống dưới như sau: mặt đường bê tông nhựa chặt 12,5, dày 7cm; tưới nhựa thấm bảm $1,0\text{kg}/\text{m}^2$; lớp móng cấp phối đá dăm loại I, dày 15cm; lớp móng cấp phối đá dăm loại II, dày 15cm; lớp đất đầm chặt $K \geq 0,98$, dày 30cm.

- Thiết kế rãnh biên, vỉa hè, cây xanh:

+ Bó vỉa dùng bê tông xi măng giả đá mác 250 lắp ghép, kích thước (23x26x100)cm, lót bằng vữa xi măng mác 75 dày 2cm; dưới đệm bê tông xi măng mác 150, đá (1x2)cm dày 5cm. Đỉnh bó vỉa chênh cao so với mép rãnh biên 10cm.

+ Kết cấu đan rãnh dùng bê tông xi măng giả đá mác 250 lắp ghép, kích thước (25x50x6)cm. Móng đan rãnh lót bằng vữa xi măng mác 75 dày 2cm; dưới đệm bê tông xi măng mác 150, đá (1x2)cm dày 5cm. Độ dốc rãnh biên nghiêng từ mặt đường vào mép bó vỉa $i=10\%$.

+ Vỉa hè: độ dốc ngang vỉa hè $i=1,5\%$ hướng thoát nước ra phía mặt đường. Phần lát hè dùng chung loại kết cấu gồm: gạch lát vỉa hè bằng bê tông xi măng giả đá kích thước (400x400x45)cm, lót bằng vữa xi măng mác 75 dày 2cm; dưới đệm bê tông xi măng mác 150, đá (1x2)cm dày 8cm.

+ Bó gáy hè: kích thước 11cm gạch xây mác 75, chiều cao 30cm, móng bằng BTXM mác 150, dày 5cm.

+ Cây xanh trên vỉa hè: trồng cây xanh với khoảng cách trung bình 8m-15m/cây tùy vào từng vị trí, xây bó bồn cây bằng bê tông xi măng giả đá kích thước (10x10x50)cm.

- An toàn giao thông: thiết kế hệ thống vạch sơn biển báo hiệu theo Quy chuẩn Việt Nam QCVN 41:2024/BGTVT về quy chuẩn quốc gia về báo hiệu đường bộ.

c) Hệ thống cấp điện, chiếu sáng

- Đường dây trung thế 35KV: xây dựng mới đường dây 35KV gồm 02 vị trí cột trung thế (sử dụng loại cột bê tông dự ứng lực PC-I-20-190-13) và 01 vị trí TBA cho Khu dân cư tại thôn Nà Phai xã Hoàng Việt. Đầu nối tại vị trí cột trung thế số 92-1 lộ 376E13.6 nhánh rẽ Hoàng Việt - Văng Lãng. Chiều dài tuyến 70m, dây dẫn sử dụng cáp nhôm lõi thép ACSR/XLPE4,3/HDPE-70/11 mm², lắp kim thu sét toàn tuyến và có dây thoát sét riêng từng cột.

- Trạm biến áp: xây mới 01 trạm biến áp, công suất 160kVA-35/0,4kV để cấp điện cho hệ thống đường dây 0,4KV của Khu tái định cư; trạm thiết kế theo loại trụ thép 1 cột trọn bộ. Vị trí trạm đặt ở phía Tây Nam của dự án.

- Cấp điện hạ thế 0,4KV: xây dựng tuyến đường dây 0,4kV sau TBA KDC 160kVA-35/0,4kV xây dựng mới, chiều dài tuyến 400m Cấp xuất tuyến từ trạm biến áp cấp nguồn cho tủ điện tổng được sử dụng cáp ngầm Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC luồn trong ống nhựa xoắn HDPE, đi ngầm dọc theo vỉa hè khu dân cư.

- Cấp điện chiếu sáng:

+ Hệ thống chiếu sáng hệ phố đi ngầm trong hào cáp, chiều dài tuyến 420m.

+ Cột đèn sử dụng loại cột thép bát giác tròn côn liền cần cao 8m. Cần đèn đơn, chiều cao 2m, vươn 1,5m. Móng cột bằng bê tông xi măng mác 200.

+ Đèn đường: dùng đèn led công suất 150w-220v.

+ Dây dẫn: từ trạm biến áp đến tủ điện chiếu sáng và từ tủ điện chiếu sáng đến các cột chiếu sáng dùng cáp ngầm Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-(4x16)mm. Dây từ đường trục rẽ vào mỗi đèn dùng dây Cu/PVC-(2x2,5)mm luồn trong thân đèn. Thực hiện các mối đấu cáp bằng ghíp xử lý đồng nhôm.

+ Hệ thống chiếu sáng đường phố được điều khiển bằng tủ tự động điều khiển chiếu sáng (TĐKCS) đặt ở trạm biến áp. Nguồn điện cấp cho các tủ này được lấy từ lộ ra của trạm biến áp xây dựng mới trong khu vực.

d) Hệ thống cấp nước

- Nguồn cấp nước cho dự án được lấy từ hệ thống cấp nước khu vực tại ngã ba đường ĐH.19A giao Km15+250 QL.4A (tuyến đường ống D63 nằm trên vỉa hè hiện trạng chạy dọc tuyến đường QL.4A), cách khu đất thực hiện dự án 700m. Đường ống cấp nước sử dụng loại ống HDPE đường kính D63 (dài 1.350m) đặt ngầm dưới vỉa hè và dọc các tuyến đường giao thông.

- Nhà trạm bơm cấp 2 cho cấp nước chữa cháy; bể chứa nước sạch 108m³ bằng bê tông cốt thép phục vụ nhu cầu phòng cháy chữa cháy. Các trụ cứu hỏa (3 trụ) được bố trí trên các đường ống cấp nước phân phối có đường kính D110, dài 310m với khoảng cách tối đa 150m.

e) Hệ thống thoát nước (bao gồm hệ thống thoát nước mưa và thoát nước thải được thiết kế riêng biệt).

- Thoát nước mưa: nước mưa được thu gom qua các hố ga (43 hố) thu nước dọc các tuyến đường vào hệ thống cống và hố ga. Hệ thống cống thoát

nước mưa đặt ngầm dưới đường giao thông, cống thoát nước mưa sử dụng các loại cống tròn bê tông cốt thép D300 (dài 70m); D600 (dài 452m); D1.000 (dài 62m), hệ thống rãnh bê tông xi măng chiều dài 32,30m thu nước chân taluy; độ dốc cống thoát nước mưa được thiết kế đảm bảo thoát nước trên nguyên tắc tự chảy và thoát ra theo khe thoát nước hiện trạng ở phía bắc dự án.

- Thoát nước thải: hệ thống thoát nước thải thiết kế theo nguyên tắc tự chảy; nước thải sinh hoạt được xử lý cục bộ bằng bể tự hoại tại từng công trình sau đó sẽ được thu gom bằng đường ống UPVC D110 (dài 88m) - D200 (dài 323,81m) chạy dọc hành lang hạ tầng giữa 2 dãy nhà và dọc hè đường giao thông nội bộ rồi về trạm xử lý nước thải có công suất 26m³/ngày đêm được đặt trong dự án; nước thải sau khi được xử lý tại trạm xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn mới được dẫn thoát ra khe thoát nước hiện trạng ở phía bắc dự án. Trạm xử lý nước thải được thiết kế xây dựng hoàn chỉnh gồm các hạng mục nhà điều hành, các máy móc thiết bị khác, với công suất 26m³/ngày đêm.

11.2. Các công trình tại vị trí 2 thôn Vạn Xuân, xã Bắc Việt, huyện Văn Lãng:

a) San nền:

Tổng diện tích san nền 2,78 ha, san nền 12 lô đất, 04 vị trí đất cây xanh kết hợp taluy, 01 vị trí bãi đỗ xe, 08 vị trí đất hạ tầng kỹ thuật và đất giao thông.

- Cao độ san nền điểm cao nhất 177,5m; điểm thấp nhất 168,5m; hướng dốc san nền từ Phía Nam lên phía Bắc; độ chặt đất đắp san nền K=0,9.

- Mái ta luy: độ dốc mái ta luy đào 1/0,5÷1/1,5.

- Kè mái ta luy 02 vị trí tại phía Đông Nam và phía Đông Bắc của khu đất. Kè bằng bê tông xi măng, tổng chiều dài 52m.

b) Đường giao thông, gồm 03 tuyến đường với tổng chiều dài 815,13m.

STT	Tên tuyến	Chiều dài (m)	Bề rộng nền đường (m)	Bề rộng lòng đường (m)	Bề rộng vỉa hè (Trái+Phải) (m)
1	Tuyến 01	345,40	11	8	3
2	Tuyến 02	276,42	12	6	2x3
3	Tuyến 03	193,31	12	6	2x3

- Mặt đường thiết kế dốc 2 mái, độ dốc ngang $i=2\%$; hè dốc về mép vỉa hè, độ dốc vỉa hè $i=1,5\%$.

- Vận tốc thiết kế: 20km/h, Bán kính đường cong tại các nút giao: $R_{max} = 12m$ và $R_{min} = 8m$.

- Kết cấu áo đường: mặt đường cấp cao A1, tầng mặt bằng bê tông nhựa asphalt, mô đun đàn hồi yêu cầu $E_{yc} \geq 110 \text{ Mpa}$, với kết cấu từ trên xuống dưới như sau: mặt đường bê tông nhựa chặt 12,5, dày 7cm; tưới nhựa thấm bám

1,0kg/m²; lớp móng cấp phối đá dăm loại I, dày 15cm; lớp móng cấp phối đá dăm loại II, dày 15cm; lớp đất đầm chặt $K \geq 0,98$, dày 30cm.

- Thiết kế rãnh biên, vỉa hè, cây xanh:

+ Bó vỉa dùng bê tông xi măng giả đá mác 250 lắp ghép, kích thước (23x26x100)cm, lót bằng vữa xi măng mác 75 dày 2cm; dưới đệm bê tông xi măng mác 150, đá (1x2)cm dày 5cm. Đỉnh bó vỉa chênh cao so với mép rãnh biên 10cm.

+ Kết cấu đan rãnh dùng bê tông xi măng giả đá mác 250 lắp ghép, kích thước (25x50x6)cm. Móng đan rãnh lót bằng vữa xi măng mác 75 dày 2cm; dưới đệm bê tông xi măng mác 150, đá (1x2)cm dày 5cm. Độ dốc rãnh biên nghiêng từ mặt đường vào mép bó vỉa $i=10\%$.

+ Vỉa hè: độ dốc ngang vỉa hè $i=1,5\%$ hướng thoát nước ra phía mặt đường. Phần lát hè dùng chung loại kết cấu gồm: gạch lát vỉa hè bằng bê tông xi măng giả đá kích thước (400x400x45)cm, lót bằng vữa xi măng mác 75 dày 2cm; dưới đệm bê tông xi măng mác 150, đá (1x2)cm dày 8cm.

+ Bó gáy hè: kích thước 11cm gạch xây mác 75, chiều cao 30cm, móng bằng BTXM mác 150, dày 5cm.

+ Cây xanh trên vỉa hè: Trồng cây xanh với khoảng cách trung bình 8m-15m/cây tùy vào từng vị trí, xây bó bồn cây bằng bê tông xi măng giả đá kích thước (10x10x50)cm.

- An toàn giao thông: thiết kế hệ thống vạch sơn biên báo hiệu theo Quy chuẩn Việt Nam QCVN 41:2024/BGTVT về quy chuẩn Quốc Gia về báo hiệu đường bộ.

- Bãi đỗ xe: mặt bãi bằng bê tông xi măng mác 250 dày 18cm, trên lớp móng cấp phối đá dăm loại I dày 10cm, trung bình 4-5m bố trí khe co giãn.

c) Hệ thống cấp điện, chiếu sáng

- Đường dây trung thế 35KV: xây dựng mới đường dây 35KV gồm 03 vị trí cột trung thế (sử dụng loại cột bê tông dự ứng lực PC-I-20-190-13) và 01 vị trí TBA cho Khu dân cư tại thôn Vạn Xuân xã Bắc Việt. Đầu nối tại vị trí cột trung thế số 138-16-5 lộ 376E13.6 nhánh rẽ Bắc Việt - Vãng Lãng. Chiều dài tuyến 184m, dây dẫn sử dụng cáp nhôm lõi thép ACSR/XLPE4,3/HDPE-70/11mm², lắp kim thu sét toàn tuyến và có dây thoát sét riêng từng cột.

- Trạm biến áp: xây mới 01 trạm biến áp, công suất 320kVA-35/0,4kV để cấp điện cho hệ thống đường dây 0,4KV của Khu tái định cư; Trạm thiết kế theo loại trụ thép 1 cột trọn bộ. Vị trí trạm đặt ở phía Tây Bắc của dự án.

- Cấp điện hạ thế 0,4KV: xây dựng tuyến đường dây 0,4kV sau TBA KDC 160kVA-35/0,4kV xây dựng mới, chiều dài tuyến 900m. Cấp xuất tuyến từ trạm biến áp cấp nguồn cho tủ điện tổng được sử dụng cáp ngầm Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC luồn trong ống nhựa xoắn HDPE, đi ngầm dọc theo vỉa hè khu dân cư.

- Cấp điện chiếu sáng:

+ Hệ thống chiếu sáng hè phố đi ngầm trong hào cáp, chiều dài

tuyến 700m.

+ Cột đèn loại cột thép bát giác tròn côn liền cần cao 8m, chiều dày thân cột 4mm². Cần đèn đơn, chiều cao 2m, vươn 1,5m. Móng cột bằng bê tông xi măng mác 200.

+ Đèn đường: dùng đèn led công suất 150w-220v.

+ Dây dẫn: từ trạm biến áp đến tủ điện chiếu sáng và từ tủ điện chiếu sáng đến các cột chiếu sáng dùng cáp ngầm Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-(4x16)mm. Dây từ đường trục rẽ vào mỗi đèn dùng dây Cu/PVC-(2x2,5)mm luồn trong thân đèn. Thực hiện các mối đấu cáp bằng ghíp xử lý đồng nhôm.

+ Hệ thống chiếu sáng đường phố được điều khiển bằng tủ tự động điều khiển chiếu sáng (TĐKCS) đặt ở trạm biến áp. Nguồn điện cấp cho các tủ này được lấy từ lộ ra của trạm biến áp xây dựng mới trong khu vực.

d) Hệ thống cấp nước

+ Nguồn nước cấp cho khu vực dự án lấy từ khe suối hiện trạng, cách khu vực dự án 2,8km; thiết kế xây dựng cụm cấp nước sạch cấp nước lên bể phục vụ nhu cầu khu tái định cư.

+ Đường ống cấp nước sinh hoạt sử dụng loại ống HDPE đường kính D63 (dài 3.680m), đường ống cấp nước chữa cháy sử dụng loại ống HDPE đường kính D110 (dài 570m) đặt ngầm dưới vỉa hè dọc các tuyến đường giao thông. Các trụ cứu hỏa được bố trí trên các đường ống cấp nước phân phối có đường kính D110 với khoảng cách tối đa 150m.

+ Thiết kế nhà trạm bơm cấp 2 kết hợp bể chứa nước sạch. Bể chứa nước sạch 201m³ bằng bê tông cốt thép. Trong đó thể tích nước dùng cho chữa cháy Q_{cc} = 108m³, thể tích nước dùng cho sản xuất sinh hoạt Q_{SX&SH} = 93m³.

- Nhà trạm bơm đặt 2 máy bơm cấp nước sinh hoạt và sản xuất động cơ điện (1 bơm chính, 1 bơm dự phòng), 2 bơm cấp nước chữa cháy (1 bơm chính động cơ điện, 1 bơm dự phòng động cơ diesel), tủ điện điều khiển 2 máy bơm nước sinh hoạt và 2 bơm điện chữa cháy. Điện áp cấp cho nhà trạm dẫn từ trạm biến áp theo 1 đường dây riêng để không ảnh hưởng đến mạng lưới cấp điện của khu dân cư.

e) Hệ thống thoát nước (bao gồm hệ thống thoát nước mưa và thoát nước thải được thiết kế riêng biệt).

- Thoát nước mưa: nước mưa được thu gom qua các hố ga (64 hố) thu nước dọc các tuyến đường vào hệ thống cống và hố ga. Hệ thống cống thoát nước mưa đặt ngầm dưới đường giao thông, cống thoát nước mưa sử dụng các loại cống tròn bê tông cốt thép D300 (dài 158m); D600 (dài 400m); D1.000 (dài 332m), hệ thống rãnh bê tông xi măng dài 270,57m thu nước chân taluy; độ dốc cống thoát nước mưa được thiết kế đảm bảo thoát nước trên nguyên tắc tự chảy và thoát ra theo khe nước hiện trạng (gồm 2 vị trí thoát: suối Pác Mãng ở phía bắc và cống ngang hiện trạng qua đường ĐH12 ở phía nam dự án).

- Thoát nước thải: hệ thống thoát nước thải thiết kế theo nguyên tắc tự chảy; nước thải sinh hoạt được xử lý cục bộ bằng bể tự hoại tại từng công trình

sau đó sẽ được thu gom bằng đường ống UPVC D110 (dài 176m) - D200 (dài 777,55m) chạy dọc hành lang hạ tầng giữa 2 dãy nhà và dọc hè đường giao thông nội bộ rồi về trạm xử lý nước thải có công suất 52m³/ngày đêm được đặt trong dự án; nước thải sau khi được xử lý tại trạm xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn mới được dẫn thoát ra suối Pác Măng ở phía bắc dự án. Trạm xử lý nước thải được thiết kế xây dựng hoàn chỉnh gồm các hạng mục nhà điều hành, các máy móc thiết bị khác, với công suất 52m³/ngày đêm.

12. Tổng mức đầu tư xây dựng: **103.286.231.000 đồng**, trong đó:

- Chi phí bồi thường GPMB : 11.107.696.000 đồng;
- Chi phí xây dựng: 70.806.796.000 đồng;
- Chi phí thiết bị: 4.835.252.000 đồng;
- Chi quản lý dự án: 1.479.558.000 đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: 4.940.213.000 đồng;
- Chi phí khác: 1.736.849.000 đồng;
- Chi phí dự phòng: 8.379.867.000 đồng.

13. Tiến độ thực hiện dự án: năm 2024-2025.

12. Nguồn vốn đầu tư: vốn ngân sách nhà nước.

13. Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng: chủ đầu tư thuê tư vấn quản lý dự án.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Xây dựng, UBND huyện Văn Lãng theo chức năng, nhiệm vụ chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và trước Chủ tịch UBND tỉnh về tính hợp pháp, sự đầy đủ và chính xác của nội dung, hồ sơ trình phê duyệt.

2. UBND huyện Văn Lãng (Chủ đầu tư) có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện các bước tiếp theo của dự án theo quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Lạng Sơn, Chủ tịch UBND huyện Văn Lãng và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ban Kinh tế - Ngân sách (HĐND tỉnh);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PVP UBND tỉnh, các phòng CM, Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, KT(HVTr).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lương Trọng Quỳnh